TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: 14-5-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận và bà Nguyễn Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông T - sinh năm: 1971; địa chỉ: Đường C, quận K, thành phố Đà Nẵng; ông T ủy quyền cho ông K - sinh năm: 1983; địa chỉ liên hệ: Đường Y, quận H, thành phố Đà Nẵng đại diện tham gia tố tụng (theo Giấy ủy quyền ngày 08/9/2018, có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn*: Bà H - sinh năm: 1981; địa chỉ: Đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18 tháng 12 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2019 và bản tự khai ngày 03 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2013 ông T có cho chị H vay số tiền 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)*, không tính lãi và không thỏa thuận thời hạn trả nợ, khi nhận tiền vay chị H có viết giấy mượn tiền. Đến khi ông T cần tiền yêu cầu chị H trả nợ như đã thỏa thuận nhưng đến nay chị H vẫn chưa thanh toán nên ông T khởi

kiện. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H thanh toán cho ông T số tiền gốc vay 25.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2019, bị đơn chị H trình bày:

Tôi xác nhận có mượn của anh T 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)* vào năm 2009 nhưng không nhớ rõ cụ thể ngày tháng nhận tiền, mỗi tháng tôi trả lãi 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*, trả được 03 năm thì tôi không còn khả năng trả nợ. Đến ngày 17 tháng 7 năm 2013 tôi có viết giấy mượn tiền thể hiện tôi mượn của anh T 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)* nhưng thực tế tôi chỉ nhận số tiền 20.000.000đ. Khi không còn khả năng trả nợ thì tôi xin anh T chỉ trả 10.000.000đ tiền nợ gốc và xin giảm 10.000.000đ còn lại thì anh T đồng ý nên tôi đã giao đủ cho anh T 10.000.000đ. Nay anh T khởi kiện yêu cầu tôi thanh toán số tiền nợ vay 25.000.000đ thì tôi không đồng ý trả.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 25.000.000đ tiền gốc vay. Còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Phía nguyên đơn trình bày do quen biết nhau nên nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)* vào ngày 17 tháng 7 năm 2013, vay không có lãi suất, không có thời hạn trả nợ, bị đơn đã nhận đủ tiền và có viết giấy mượn tiền cho nguyên đơn; nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả. Trong khi đó, bị đơn trình bày chỉ vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)* vào năm 2009 với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000.000đ/tháng, bị đơn đã trả tiền lãi được 03 năm nhưng chưa trả được tiền gốc, vì không có khả năng trả nợ nên bị đơn viết cho nguyên đơn giấy mượn số tiền 25.000.000đ vào ngày 17 tháng 7 năm 2013; sau đó, giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận nguyên đơn giảm cho bị đơn 10.000.000đ, còn lại 10.000.000đ tiền gốc vay bị đơn đã trả xong nên bị đơn không còn nợ nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tại Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện người đứng tên vay tiền là bà H có nội dung như sau: *"Ngày 17 tháng 7 năm 2013 tôi có mượn của anh Tú số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng y). Khi nào anh Tú có nhu cầu lấy lui tôi sẽ trả. Nếu có gì tôi xin chịu hoàn toàn trước pháp luật"*. Bị đơn thừa nhận là người viết Giấy mượn tiền vào ngày 17 tháng 7 năm 2013 cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thừa nhận đã vay tiền của nguyên đơn như nội dung thể hiện tại Giấy mượn tiền, bị đơn xác định chỉ vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000đ và đã trả nợ xong; tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được chứng cứ, lài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc vay tiền và đã trả nợ xong cho nguyên đơn. Như vậy, lời trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ vay tiền giữa hai bên phù hợp với nội dung của Giấy mượn tiền.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Vào ngày 17 tháng 7 năm 2013, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 25.000.000đ, vay không lãi suất, không có thời hạn trả nợ, bị đơn đã nhận đủ tiền và có viết giấy vay tiền. Hai bên đương sự đã trưởng thành và đều có năng lực trách nhiệm dân sự, các bên tự nguyện thỏa thuận, nội dung giao dịch dân sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự về việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 122 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Nguyên đơn đã có thông báo đòi nợ gửi đến bị đơn nhưng bị đơn không chịu thanh toán nợ là thực hiện không đúng theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)*.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu 1.250.000đ (25.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 122, 471 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà H phải trả cho ông T số tiền nợ vay 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)*.

2. Bà H phải chịu 1.250.000đ *(một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đ *(sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004409 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/5/2019). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn